



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHLTCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Kinh tế học vĩ mô

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020017	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	03/05/1990	LT10A	01	21	8,2	1	Châm	lẻ
2	000002	1001020002	Lý Trọng	Đạt	09/03/1992	LT10A	01	20	6,6	01	Trọng Đạt	chẵn
3	000003	1001020003	Nguyễn Thị	Giang	10/06/1990	LT10A	01	19	5,6	01	Trang	lẻ
4	000004	1001021755	Trần Thu	Hiền	03/10/1993	LT10A	01	18	7,1	01	Thu Hiền	chẵn
5	000005	1001020006	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/05/1993	LT10A	01	17	5,9	01	Thu Hương	lẻ
6	000006	1001020007	Đỗ Thùy	Linh	21/08/1991	LT10A	01	16	7,1	01	Thùy Linh	chẵn
7	000007	1001020008	Nguyễn Thị Ly	Ly	29/11/1988	LT10A	01	15	5,6	01	Ly	lẻ
8	000008	1001020009	Trần Thị	Ngân	07/07/1990	LT10A	01	14	7,1	01	Trần Thị Ngân	chẵn
9	000009	1001020010	Mạc Thị	Ngát	05/10/1989	LT10A	01	13	6,2	01	Mạc Thị Ngát	lẻ
10	000010	1001021756	Phạm Thị Thanh	Nhã	07/04/1991	LT10A	01	12	7,4	01	Phạm Thị Nhã	chẵn
11	000011	1001020011	Phạm Thị Kim	Oanh	02/01/2000	LT10A	01	11	5,1	01	Phạm Thị Oanh	lẻ
12	000012	1001021757	Nguyễn Thị	Phượng	12/12/1986	LT10A	01	10	7,9	02	Nguyễn Thị Phượng	chẵn
13	000013	1001020012	Trần Thị	Quỳnh	27/10/1989	LT10A	01	9	7,9	01	Trần Thị Quỳnh	lẻ
14	000014	1001020014	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/12/1995	LT10A	01	8	7,1	02	Nguyễn Thị Phương Thảo	chẵn
15	000015	1001020015	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	23/11/2003	LT10A	01	7	7,9	01	Nguyễn Thị Thanh Thúy	lẻ
16	000016	1001020016	Đặng Quốc	Toàn	17/08/1976	LT10A	01	6	6,6	1	Đặng Quốc Toàn	chẵn
17	000017	1003020001	Lê Thị	Anh	08/10/2000	LT10A_TCDH	01	5	7,4	1	Lê Thị Anh	HP lẻ
18	000018	1003020013	Phạm Thị	Tân	07/05/2001	LT10A_TCDH	01	4	6,6	1	Phạm Thị Tân	HP chẵn
19	000019	1007020021	Dương Mạnh	Cường	26/06/1977	LT10A_VLVH_CĐDH	01	3	5,6	1	Dương Mạnh Cường	HP
20	000020	1007020023	Nguyễn Văn	Đại	06/07/1987	LT10A_VLVH_CĐDH	01	2	6,8	1	Nguyễn Văn Đại	HP
21	000021	1006020024	Nguyễn Đức	Hợp	23/06/1977	LT10A_VLVH_TCDH	01	—	—	—	Nguyễn Đức Hợp	HP,ĐK
22	000022	1006020027	Trần Thị	Thoan	12/05/1980	LT10A_VLVH_TCDH	01	1	6,3	1	Trần Thị Thoan	HP

Tổng số sinh viên dự thi: 22

Tổng số tờ giấy thi: 22

Tổng số biên bản: 22

Ngày 07 tháng 01 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đo Việt Hùng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHLTCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Lịch sử các học thuyết kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020017	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	03/05/1990	LT10A	01	1	5,3	02	Châm	lẻ
2	000002	1001020002	Lý Trọng	Đạt	09/03/1992	LT10A	01	2	5,3	01	Đạt	chẵn
3	000003	1001020003	Nguyễn Thị	Giang	10/06/1990	LT10A	01	3	7,0	02	Cương	lẻ
4	000004	1001021755	Trần Thu	Hiền	03/10/1993	LT10A	01	4	5,3	02	Riên	chẵn
5	000005	1001020006	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/05/1993	LT10A	01	5	6,5	02	Thu	lẻ
6	000006	1001020007	Đỗ Thùy	Linh	21/08/1991	LT10A	01	6	7,5	02	Thùy	chẵn
7	000007	1001020008	Nguyễn Thị Ly	Ly	29/11/1988	LT10A	01	7	5,0	02	Ly	lẻ
8	000008	1001020009	Trần Thị	Ngân	07/07/1990	LT10A	01	8	5,5	02	Ngân	chẵn
9	000009	1001020010	Mạc Thị	Ngát	05/10/1989	LT10A	01	9	6,5	01	Ngát	lẻ
10	000010	1001021756	Phạm Thị Thanh	Nhã	07/04/1991	LT10A	01	10	7,5	02	Thanh	chẵn
11	000011	1001020011	Phạm Thị Kim	Oanh	02/01/2000	LT10A	01	11	6,3	01	Oanh	lẻ
12	000012	1001021757	Nguyễn Thị	Phượng	12/12/1986	LT10A	01	12	7,8	02	Phượng	chẵn
13	000013	1001020012	Trần Thị	Quỳnh	27/10/1989	LT10A	01	13	6,0	01	Quỳnh	lẻ
14	000014	1001020014	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/12/1995	LT10A	01	14	6,8	01	Thảo	chẵn
15	000015	1001020015	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	23/11/2003	LT10A	01	15	5,8	02	Thúy	lẻ
16	000016	1001020016	Đặng Quốc	Toàn	17/08/1976	LT10A	01	16	5,0	01	Quốc	chẵn
17	000017	1003020001	Lê Thị	Anh	08/10/2000	LT10A_TCDH	01	17	5,5	02	Anh	HP lẻ
18	000018	1003020013	Phạm Thị	Tân	07/05/2001	LT10A_TCDH	01	18	6,8	01	Tân	HP chẵn
19	000019	1007020021	Dương Mạnh	Cường	26/06/1977	LT10A_VLVH_CĐDH	01	19	7,0	1	Cường	HP lẻ
20	000020	1007020023	Nguyễn Văn	Đại	06/07/1987	LT10A_VLVH_CĐDH	01	20	6,8	01	Đại	HP chẵn
21	000021	1006020024	Nguyễn Đức	Hợp	23/06/1977	LT10A_VLVH_TCDH	01					HP
22	000022	1006020027	Trần Thị	Thoan	12/05/1980	LT10A_VLVH_TCDH	01					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 20....

Tổng số tờ giấy thi: 31....

Tổng số biên bản: 1....

Ngày 7 tháng 1 năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Chữ
1/4/Thảo Chữ
Minh Đức Anh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHLTCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020017	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	03/05/1990	LT10A	01	11	4,5	2	Châm	le
2	000002	1001020002	Lý Trọng	Đạt	09/03/1992	LT10A	01	20	4,8	03	Trọng Đạt	chấn
3	000003	1001020003	Nguyễn Thị	Giang	10/06/1990	LT10A	01	13	4,0	02	Giang	le
4	000004	1001021755	Trần Thu	Hiền	03/10/1993	LT10A	01	18	5,5	02	Thu Hiền	chấn
5	000005	1001020006	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/05/1993	LT10A	01	17	4,3	02	Thu Hương	le
6	000006	1001020007	Đỗ Thùy	Linh	21/08/1991	LT10A	01	16	5,0	02	Thùy Linh	chấn
7	000007	1001020008	Nguyễn Thị Ly	Ly	29/11/1988	LT10A	01	15	4,3	03	Ly	le
8	000008	1001020009	Trần Thị	Ngân	07/07/1990	LT10A	01	14	4,8	03	Trần Ngân	chấn
9	000009	1001020010	Mạc Thị	Ngát	05/10/1989	LT10A	01	13	5,8	02	Mạc Ngát	le
10	000010	1001021756	Phạm Thị Thanh	Nhã	07/04/1991	LT10A	01	12	4,3	03	Phạm Nhã	chấn
11	000011	1001020011	Phạm Thị Kim	Oanh	02/01/2000	LT10A	01	11	4,5	02	Phạm Oanh	le
12	000012	1001021757	Nguyễn Thị	Phượng	12/12/1986	LT10A	01	10	4,8	03	Nguyễn Phượng	chấn
13	000013	1001020012	Trần Thị	Quỳnh	27/10/1989	LT10A	01	9	5,5	02	Trần Quỳnh	le
14	000014	1001020014	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/12/1995	LT10A	01	8	4,3	02	Nguyễn Thảo	chấn
15	000015	1001020015	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	23/11/2003	LT10A	01	7	4,0	03	Nguyễn Thúy	le
16	000016	1001020016	Đặng Quốc	Toàn	17/08/1976	LT10A	01	6	4,3	02	Đặng Quốc Toàn	chấn
17	000017	1003020001	Lê Thị	Anh	08/10/2000	LT10A_TCDH	01	5	4,8	03	Lê Thị Anh	HP le
18	000018	1003020013	Phạm Thị	Tân	07/05/2001	LT10A_TCDH	01	4	4,8	02	Phạm Thị Tân	HP chấn
19	000019	1007020021	Dương Mạnh	Cường	26/06/1977	LT10A_VLVH_CĐDH	01	3	4,5	03	Dương Mạnh Cường	HP le
20	000020	1007020023	Nguyễn Văn	Đại	06/07/1987	LT10A_VLVH_CĐDH	01	2	4,0	02	Nguyễn Văn Đại	HP chấn
21	000021	1006020024	Nguyễn Đức	Hợp	23/06/1977	LT10A_VLVH_TCDH	01				Nguyễn Đức Hợp	HP,ĐK
22	000022	1006020027	Trần Thị	Thoan	12/05/1980	LT10A_VLVH_TCDH	01	1	4,8	03	Trần Thị Thoan	HP Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 21...

Tổng số tờ giấy thi: 51..

Tổng số biên bản: 0....

Ngày ..8.. tháng ..1.. Năm ..2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

(Signature)

Nguyễn Thị Chung

(Signature)

Vũ Đức Anh



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2022-2023**

(Sinh viên hoãn thi thi ghép _LT10A)

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1		0810311066	Nguyễn Thùy	Linh	09/01/2000	QT&C						Vòng

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

(Signatures)
Nguyễn Thị Ánh
Vũ Đức Anh

BẢNG ĐIỂM THI MÔN: Pháp luật kinh tế LT10A, Kỳ 1 năm học 2022-2023

STT	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Số BD	Mã đề	Điểm	Ghi chú
1	1001020017	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	03/05/1990	LT10A	000001	143	7.60	
2	1001020002	Lý Trọng	Đạt	09/03/1992	LT10A	000002	207	7.60	
3	1001020003	Nguyễn Thị	Giang	10/06/1990	LT10A	000003	329	8.60	
4	1001021755	Trần Thu	Hiền	03/10/1993	LT10A	000004	486	8.60	
5	1001020006	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/05/1993	LT10A	000005	571	7.40	
6	1001020007	Đỗ Thùy	Linh	21/08/1991	LT10A	000006	635	8.80	
7	1001020008	Nguyễn Thị Ly	Ly	29/11/1988	LT10A	000007	758	7.00	
8	1001020009	Trần Thị	Ngân	07/07/1990	LT10A	000008	143	7.80	
9	1001020010	Mạc Thị	Ngát	05/10/1989	LT10A	000009	207	8.00	
10	1001021756	Phạm Thị Thanh	Nhã	07/04/1991	LT10A	000010	329	9.00	
11	1001020011	Phạm Thị Kim	Oanh	02/01/2000	LT10A	000011	486	9.20	
12	1001021757	Nguyễn Thị	Phượng	12/12/1986	LT10A	000012	571	7.40	
13	1001020012	Trần Thị	Quỳnh	27/10/1989	LT10A	000013	635	8.80	
14	1001020014	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/12/1995	LT10A	000014	758	5.60	
15	1001020015	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	23/11/2003	LT10A	000015	143	7.80	
16	1001020016	Đặng Quốc	Toàn	17/08/1976	LT10A	000016	207	7.20	
17	1003020001	Lê Thị	Anh	08/10/2000	LT10A_TC ĐH	000017	329	9.00	
18	1003020013	Phạm Thị	Tân	07/05/2001	LT10A_TC ĐH	000018	486	9.00	
19	1007020021	Dương Mạnh	Cường	26/06/1977	LT10A_VL VH_CĐĐH	000019	571	8.40	
20	1007020023	Nguyễn Văn	Đại	06/07/1987	LT10A_VL VH_CĐĐH	000020	635	8.80	
21	1006020024	Nguyễn Đức	Hợp	23/06/1977	LT10A_VL VH_TCĐH	000021			
22	1006020027	Trần Thị	Thoan	12/05/1980	LT10A_VL VH_TCĐH	000022	758	5.00	

Tổng số bài thi: 21

Cán bộ chấm 1

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Hưng Yên. Ngày 13 tháng 01 năm 2023

Cán bộ chấm 2

Đỗ Việt Hùng



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHLTCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN HK1 2022-2023

Học phần: Tiếng Anh kinh tế - Tự luận

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020017	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	03/05/1990	LT10A	01	1	8,0	1	châm	lẻ
2	000002	1001020002	Lý Trọng	Đạt	09/03/1992	LT10A	01	2	7,0	01	Đạt	chẵn
3	000003	1001020003	Nguyễn Thị	Giang	10/06/1990	LT10A	01	3	7,5	01	Giang	lẻ
4	000004	1001021755	Trần Thu	Hiền	03/10/1993	LT10A	01	4	7,5	01	Thu	chẵn
5	000005	1001020006	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/05/1993	LT10A	01	5	8,0	01	Thu	lẻ
6	000006	1001020007	Đỗ Thùy	Linh	21/08/1991	LT10A	01	6	7,5	01	Thùy	chẵn
7	000007	1001020008	Nguyễn Thị Ly	Ly	29/11/1988	LT10A	01	7	6,8	01	Ly	lẻ
8	000008	1001020009	Trần Thị	Ngân	07/07/1990	LT10A	01	8	8,0	01	Thị	chẵn
9	000009	1001020010	Mạc Thị	Ngát	05/10/1989	LT10A	01	9	8,0	01	Ngát	lẻ
10	000010	1001021756	Phạm Thị Thanh	Nhã	07/04/1991	LT10A	01	10	7,5	01	Thanh	chẵn
11	000011	1001020011	Phạm Thị Kim	Oanh	02/01/2000	LT10A	01	11	7,0	01	Oanh	lẻ
12	000012	1001021757	Nguyễn Thị	Phượng	12/12/1986	LT10A	01	12	8,0	01	Phượng	chẵn
13	000013	1001020012	Trần Thị	Quỳnh	27/10/1989	LT10A	01	13	8,0	01	Thị	lẻ
14	000014	1001020014	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/12/1995	LT10A	01	14	7,2	01	Phương	chẵn
15	000015	1001020015	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	23/11/2003	LT10A	01	15	7,5	01	Thị	lẻ
16	000016	1001020016	Đặng Quốc	Toàn	17/08/1976	LT10A	01	16	7,5	01	Quốc	chẵn
17	000017	1003020001	Lê Thị	Anh	08/10/2000	LT10A_TCDH	01	17	7,0	01	Anh	HP lẻ
18	000018	1003020013	Phạm Thị	Tân	07/05/2001	LT10A_TCDH	01	18	7,5	01	Thị	HP chẵn
19	000019	1007020021	Dương Mạnh	Cường	26/06/1977	LT10A_VLVH_CĐDH	01	19	6,5	01	Mạnh	HP lẻ
20	000020	1007020023	Nguyễn Văn	Đại	06/07/1987	LT10A_VLVH_CĐDH	01	20	7,6	01	Văn	HP chẵn
21	000021	1006020024	Nguyễn Đức	Hợp	23/06/1977	LT10A_VLVH_TCDH	01					HP,ĐK
22	000022	1006020027	Trần Thị	Thoan	12/05/1980	LT10A_VLVH_TCDH	01	21	7,6	1	Thị	HP chẵn

Tổng số sinh viên dự thi:....21...

Tổng số tờ giấy thi:....21...

Tổng số biên bản:.....2.....

Ngày 18 tháng 01 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đo Việt Hùng

Nguyễn Văn Thái